

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 12 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	2
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	6
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh** Số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Thanh Tùng	Chủ tịch (từ ngày 27/04/2017)
	Ông Phan Văn Tiền	Chủ tịch (đến ngày 27/04/2017)
	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên
	Bà Lương Thị Anh Đào	Thành viên (từ ngày 27/04/2017)
	Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên (từ ngày 27/04/2017)
	Ông Shinichiro Ota	Thành viên (từ ngày 27/04/2017)
	Ông Ngô Đình Luyện	Thành viên (đến ngày 27/04/2017)
	Ông Cao Trọng Miên	Thành viên (đến ngày 27/04/2017)
Bà Phạm Kiều Diễm	Thành viên (đến ngày 27/04/2017)	

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng ban
	Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên (từ ngày 27/04/2017)
	Bà Bùi Thu Hằng	Thành viên
	Ông Tạ Duy Linh	Thành viên (đến ngày 27/04/2017)

Ban Giám đốc	Ông Trần Thanh Văn	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Năm	Phó Tổng Giám đốc Kỹ Thuật
	Ông Đào Ngọc Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Người đại diện theo pháp luật Ông Trần Thanh Văn Tổng Giám đốc

Trụ sở chính 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Mẫu số B 01- DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.194.759.107.077	1.260.722.701.807
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	36.864.427.848	107.606.270.185
Tiền	111		36.864.427.848	77.606.270.185
Các khoản tương đương tiền	112		-	30.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		389.113.760.227	466.823.472.222
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4	389.113.760.227	466.823.472.222
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.822.330.739	93.933.186.979
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	61.723.371.084	63.588.506.863
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.894.378.514	15.079.526.116
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	23.012.024.362	17.492.150.986
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	7	(1.884.045.371)	(2.319.479.698)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		76.602.150	92.482.712
Hàng tồn kho	140	8	625.284.054.522	572.464.775.763
Hàng tồn kho	141		653.840.809.722	602.917.317.345
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(28.556.755.200)	(30.452.541.582)
Tài sản ngắn hạn khác	150		47.674.533.741	19.894.996.658
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.457.660.977	2.611.790.874
Thuế GTGT được khấu trừ	152		45.216.872.764	17.283.205.784
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		583.996.363.202	434.456.663.262
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.597.381.747	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.408.684.773	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		1.180.575.001	-
Phải thu dài hạn khác	216		2.878.700.000	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	7	(870.578.027)	-
Tài sản cố định	220		417.466.257.571	313.385.437.730
Tài sản cố định hữu hình	221	9(a)	348.397.162.815	281.562.457.908
- Nguyên giá	222		902.365.743.867	774.882.458.391
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(553.968.581.052)	(493.320.000.483)
Tài sản cố định vô hình	227	9(b)	69.069.094.756	31.822.979.822
- Nguyên giá	228		98.371.415.118	57.567.728.716
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(29.302.320.362)	(25.744.748.894)
Tài sản dở dang dài hạn	240		14.861.518.602	44.698.941.601
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	14.861.518.602	44.698.941.601
Đầu tư tài chính dài hạn	250		96.233.541.666	32.500.000.000
Đầu tư góp vốn công ty liên doanh, liên kết	252	11	32.500.000.000	32.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		63.733.541.666	-
Tài sản dài hạn khác	260		50.837.663.616	43.872.283.931
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.330.046.092	4.624.068.872
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	8.018.572.137	7.564.773.499
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	27.489.045.387	31.233.941.560
Tài sản dài hạn khác	268		-	449.500.000
(270 = 100 + 200) TỔNG TÀI SẢN	270		1.778.755.470.279	1.695.179.365.069

CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

Mẫu số B 01- DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.131.351.900.633	1.026.624.019.081
Nợ ngắn hạn	310		1.129.617.849.080	1.025.804.019.081
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	97.047.143.565	85.646.226.524
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.604.054.222	64.668.886.442
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	15	7.018.803.998	28.725.865.994
Phải trả người lao động	314		104.834.735.481	124.982.959.077
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	15.339.553.194	28.132.284.047
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.901.176.783	78.597.166.923
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	810.949.350.998	588.632.147.774
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	7.910.352.651	7.837.855.717
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	22.012.678.188	18.580.626.583
Nợ dài hạn	330		1.734.051.553	820.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		837.404.744	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		76.646.809	-
Phải trả dài hạn khác	337		820.000.000	820.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		647.403.569.646	668.555.345.988
Vốn chủ sở hữu	410	21,22	647.403.569.646	668.555.345.988
Vốn góp của chủ sở hữu	411		464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		464.717.070.000	464.717.070.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		31.627.311.223	18.772.599.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.474.489.199	183.480.976.917
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.065.855.915	26.321.184.760
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		105.408.633.284	157.159.792.157
(440=300+400)TỔNGNGUỒN VỐN	440		1.778.755.470.279	1.695.179.365.069



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám Đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO GIAI ĐOẠN 12 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	QUÝ 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			01/10/2017 đến 31/12/2017	01/10/2016 đến 31/12/2016	01/01/2017 đến 31/12/2017	01/01/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND	VND	VND
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	602.212.249.697	576.757.388.780	2.863.558.252.775	2.537.379.612.088
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		65.465.428.084	(82.539.479.430)	250.618.154.014	190.502.226.309
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		536.746.821.613	659.296.868.210	2.612.940.098.761	2.346.877.385.779
4. Giá vốn hàng bán	11	27	484.172.302.690	398.174.684.164	2.296.684.003.942	1.848.122.502.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		52.574.518.923	261.122.184.046	316.256.094.819	498.754.883.279
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	11.440.033.632	8.262.680.166	49.561.269.881	26.882.776.992
7. Chi phí tài chính	22	29	9.150.353.528	12.167.433.111	36.805.443.638	24.153.001.753
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.047.974.454	3.729.226.294	24.411.558.267	13.709.909.913
8. Chi phí bán hàng	25		12.544.035.058	77.922.592.745	146.044.339.838	177.282.345.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.765.518.367	4.627.473.149	42.283.894.491	45.169.670.082
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		33.554.645.602	174.667.365.207	140.683.686.733	279.032.643.250
11. Thu nhập khác	31		490.354.287	772.368.850	26.003.535.476	1.986.761.806
12. Chi phí khác	32		7.516.045	170.538.498	898.211.600	334.468.394
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		482.838.242	601.830.352	25.105.323.876	1.652.293.412
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.037.483.844	175.269.195.559	165.789.010.609	280.684.936.662
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7.380.232.299	34.579.564.658	37.695.695.486	55.958.724.645
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(569.655.791)	(646.393.300)	(453.798.638)	1.440.308.621
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		27.226.907.336	141.336.024.201	128.547.113.761	223.285.903.396
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	539	2.722	2.545	4.486
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Đỗ Văn Hương
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CP PIN ÁC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO GIAI ĐOẠN 12 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		165.789.010.609	280.684.936.662
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		75.886.552.283	64.060.391.480
Các khoản dự phòng	03		(1.388.145.748)	15.781.094.235
Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(327.673.492)	4.073.213.465
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(66.022.960.141)	(23.687.667.605)
Chi phí lãi vay	06		24.411.558.267	13.709.909.913
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		198.348.341.778	354.621.878.150
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(45.365.721.325)	7.649.719.496
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(47.178.596.204)	(148.587.964.612)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(82.343.908.896)	74.932.493.318
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(10.551.847.323)	(1.637.862.666)
Tiền lãi vay đã trả	14		(24.411.558.267)	(13.313.714.513)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(57.532.956.208)	(32.659.472.447)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.851.717.498)	(6.867.388.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(75.887.963.943)	234.137.688.706
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		(150.129.949.125)	(93.362.590.570)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		449.743.181	65.709.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(402.847.301.893)	(266.823.472.222)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		451.343.472.222	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.800.000.000	3.600.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.462.323.717	15.410.479.707
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(77.921.711.898)	(341.109.873.994)

CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
CHO GIAI ĐOẠN 12 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Mẫu số B 03 - DN
(Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	14.883.277.549
Tiền thu từ đi vay	33		3.286.760.582.159	2.117.965.113.381
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.064.443.378.935)	(1.987.259.493.326)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(139.415.121.000)	(63.511.487.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		82.902.082.224	82.077.409.704
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(70.907.593.617)	(24.894.775.584)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		107.606.270.185	132.718.096.879
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		165.751.280	(217.051.110)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		36.864.427.848	107.606.270.185



Đỗ Văn Hưởng
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kê toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám Đốc
Ngày 20 tháng 01 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 09 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 08 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.144 nhân viên (31/12/2016: 1.136 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các cơ sở quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành - Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm
Khác	5 - 8 năm

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất.

Tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2.16 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

(c) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.17 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái và chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của khoản đầu tư góp vốn. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được hưởng.

2.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.20 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.21 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng và các khoản bảo hiểm kèm theo, quảng cáo, khuyến mãi không điều kiện, chi phí bảo hành sản phẩm, và chi phí vận chuyển, v.v...

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.23 Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2.24 Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Tiền mặt	1.022.893.655	1.585.105.490
Tiền gửi ngân hàng	35.841.534.193	76.021.164.695
Các khoản tương đương tiền	-	30.000.000.000
	<u>36.864.427.848</u>	<u>107.606.270.185</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 6,80% đến 9,50% (2016: 5,30% đến 9,75%).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Ông Chea Se	10.686.322.663	24.386.255.880
Công ty TNHH Honda Việt Nam	2.122.787.700	5.843.674.317
Công ty Faith Chemical Enterprises	9.306.494.466	6.684.209.766
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô tải Chu Lai	8.868.059.322	1.428.072.773
Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô khách	4.434.155.990	2.596.771.100
Trường Hải		
Các khách hàng khác	26.305.550.943	22.649.523.027
	<u>61.723.371.084</u>	<u>63.588.506.863</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 7.640.264.897 đồng và 3.106.277.032 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi tiền gửi phải thu	19.114.893.243	-	14.461.154.670	-
Tạm ứng cho nhân viên	3.863.745.527	-	2.995.609.191	-
Phải thu khác	33.385.592	-	35.387.125	-
	<u>23.012.024.362</u>	<u>-</u>	<u>17.492.150.986</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**7 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31.12.2017			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
CTY TNHH SX TM DV Hải Phương	114.677.800	-	114.677.800	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	3.253.796.921	2.277.657.845	976.139.076	6 tháng đến 1 năm
Khác	4.156.838.176	2.653.945.680	1.548.854.522	6 tháng đến trên 3 năm
	<u>7.640.264.897</u>	<u>4.931.603.525</u>	<u>2.754.623.398</u>	

	31.12.2016			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn Ngày
Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ	114.952.000	-	114.952.000	Trên 3 năm
Công ty tư nhân Mỹ Phương	1.361.678.197	-	1.361.678.197	Trên 3 năm
Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực	256.132.002	-	256.132.002	Trên 3 năm
CTY TNHH SX TM DV Hải Phương	114.677.800	-	114.677.800	Trên 3 năm
Công ty TNHH Faith Chemicals	1.077.042.814	753.929.970	323.112.844	Từ 6 tháng đến 1 năm
Khác	181.794.219	32.867.364	148.926.855	Trên 3 năm
	<u>3.106.277.032</u>	<u>786.797.334</u>	<u>2.319.479.698</u>	

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

8 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2017		31.12.2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	258.925.210.107	-	252.468.088.388	-
Thành phẩm	165.162.124.324	(3.316.141.305)	211.169.804.367	(2.244.743.138)
Chi phí SXKD dở dang	151.977.451.187	(2.370.866.931)	127.101.539.802	-
Hàng đang đi trên đường	69.675.736.708	-	7.871.846.400	-
Công cụ, dụng cụ	7.774.499.085	-	4.306.038.388	-
Hàng hóa	325.788.311	-	-	-
	<u>653.840.809.722</u>	<u>(5.687.008.236)</u>	<u>602.917.317.345</u>	<u>(2.244.743.138)</u>
Công cụ và dụng cụ dài hạn	<u>27.489.045.387</u>	<u>(22.869.746.964)</u>	<u>31.233.941.560</u>	<u>(28.207.798.444)</u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	30.452.541.582	15.496.369.852
Tăng dự phòng	-	14.956.171.730
Hoàn nhập dự phòng	(1.895.786.382)	-
Số dư cuối năm	<u>28.556.755.200</u>	<u>30.452.541.582</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm, bán thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<u>Nguyên giá</u>						
Tại 01/01/2017	<u>137.725.797.199</u>	<u>598.800.102.160</u>	<u>27.232.288.336</u>	<u>9.003.478.396</u>	<u>2.120.792.300</u>	<u>774.882.458.391</u>
Mua trong kỳ	-	578.760.000	-	-	-	578.760.000
XDCB mới hoàn thành	27.364.903.789	103.121.761.974	5.326.364.532	2.771.895.427	-	138.584.925.722
Thanh lý	(1.829.327.000)	(8.236.728.419)	(1.274.107.149)	(340.237.678)	-	(11.680.400.246)
Tại ngày 31/12/2017	<u>163.261.373.988</u>	<u>694.263.895.715</u>	<u>31.284.545.719</u>	<u>11.435.136.145</u>	<u>2.120.792.300</u>	<u>902.365.743.867</u>
<u>Giá trị hao mòn lũy kế</u>						
Tại ngày 01/01/2017	<u>69.664.207.773</u>	<u>397.186.790.388</u>	<u>16.484.203.321</u>	<u>8.766.965.833</u>	<u>1.217.833.168</u>	<u>493.320.000.483</u>
Khấu hao trong kỳ	11.003.148.749	57.944.192.369	2.794.520.381	314.960.066	272.159.250	72.328.980.815
Thanh lý	(1.829.327.000)	(8.236.728.419)	(1.274.107.149)	(340.237.678)	-	(11.680.400.246)
Tại ngày 31/12/2017	<u>78.838.029.522</u>	<u>446.894.254.338</u>	<u>18.004.616.553</u>	<u>8.741.688.221</u>	<u>1.489.992.418</u>	<u>553.968.581.052</u>
<u>Giá trị còn lại</u>						
Tại ngày 01/01/2017	68.061.589.426	201.613.311.772	10.748.085.015	236.512.563	902.959.132	281.562.457.908
Tại ngày 31/12/2017	<u>84.423.344.466</u>	<u>247.369.641.377</u>	<u>13.279.929.166</u>	<u>2.693.447.924</u>	<u>630.799.882</u>	<u>348.397.162.815</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 212.097 triệu đồng (31/12/2016: 175.731 triệu đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	47.293.702.056	5.055.248.004	5.218.778.656	57.567.728.716
XDCB mới hoàn thành	40.803.686.402	-	-	40.803.686.402
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	88.097.388.458	5.055.248.004	5.218.778.656	98.371.415.118
<u>Khấu hao lũy kế</u>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	17.981.370.025	4.660.730.055	3.102.648.814	25.744.748.894
Khấu hao trong kỳ	1.923.231.121	394.517.949	1.239.822.398	3.557.571.468
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.904.601.146	5.055.248.004	4.342.471.212	29.302.320.362
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017	29.312.332.031	394.517.949	2.116.129.842	31.822.979.822
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	68.192.787.312	-	876.307.444	69.069.094.756

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 5.055 triệu đồng.

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu năm	44.698.941.601	8.542.154.671
Mua trong năm	149.551.189.125	89.445.393.661
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a))	(138.584.925.722)	(53.288.606.731)
Chuyển sang TSCĐ vô hình	(40.803.686.402)	-
Số dư cuối năm	14.861.518.602	44.698.941.601

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản lớn như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc thiết bị	10.550.387.823	7.636.068.548
Khác	4.311.130.779	37.062.873.053
	14.861.518.602	44.698.941.601

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313711629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 9 tháng 12 năm 2016	26%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Công cụ, dụng cụ	6.411.485.392	3.517.554.696
Khác	8.918.560.700	1.106.514.176
	<u>15.330.046.092</u>	<u>4.624.068.872</u>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	4.624.068.872	2.407.932.898
Tăng trong kỳ	15.456.010.817	5.361.772.651
Phân bổ trong kỳ	(4.750.033.597)	(3.145.636.677)
Số dư cuối kỳ	<u>15.330.046.092</u>	<u>4.624.068.872</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	7.564.773.499	9.005.082.120
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	453.798.638	(1.440.308.621)
Số dư cuối kỳ	<u>8.018.572.137</u>	<u>7.564.773.499</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Chi phí phải trả	715.958.162	355.642.667
Dự phòng bảo hành và trợ cấp thôi việc	1.582.070.530	1.567.571.143
Dự phòng phải thu khó đòi	9.192.405	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công cụ dụng cụ	5.711.351.040	5.641.559.689
	<u>8.018.572.137</u>	<u>7.564.773.499</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2017 và 2016 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31.12.2017		31.12.2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam</i>	10.537.261.847	1.053.7261.847	23.559.498.820	23.559.498.820
<i>Thai United Plastic Industry Ltd.</i>	4.162.156.291	4.162.156.291	6.569.125.566	6.569.125.566
<i>Thai United Industry Company Ltd.</i>	9.518.231.787	9.518.231.787	5.933.097.323	5.933.097.323
<i>CN tại TP HCM - Công Ty CP Nhựa Tân Phú</i>	6.405.846.022	6.405.846.022	7.334.361.505	7.334.361.505
<i>CT CP THIẾT BỊ XĂNG DẦU PETROLIMEX SORFIN</i>	14.142.480.000	14.142.480.000	-	-
<i>YOSHIMURA TOKYO, LTD.</i>	3.547.866.500	3.547.866.500	1.422.416.180	1.422.416.180
<i>Khác</i>	46.356.278.295	46.356.278.295	39.460.702.460	39.460.702.460
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 33(b))</i>	2.377.022.823	2.377.022.823	1.367.024.670	1.367.024.670
	<u>97.047.143.565</u>	<u>97.047.143.565</u>	<u>85.646.226.524</u>	<u>85.646.226.524</u>

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01.01.2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tại ngày 31.12.2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN	27.988.838.478	37.695.695.486	57.532.956.208	8.151.577.756
Thuế thu nhập cá nhân	505.370.374	10.246.842.254	10.316.933.041	435.279.587
Thuế GTGT	2.094.394.398	155.658.211.395	157.752.605.793	-
Tiền thuế đất và thuế khác	(1.862.737.256)	4.377.773.937	4.083.090.026	(1.568.053.345)
	<u>28.725.865.994</u>	<u>207.978.523.072</u>	<u>229.685.585.068</u>	<u>7.018.803.998</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.12.2017	31.12.2016
	VND	VND
Chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối	11.830.540.763	26.570.597.701
Chi phí vận chuyển	2.298.811.403	395.154.000
Chi phí lãi vay	503.435.758	396.195.400
Chi phí phải trả khác	706.765.270	770.336.946
	<u>15.339.553.194</u>	<u>28.132.284.047</u>

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31.12.2017	31.12.2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	1.775.923.177	1.521.813.646
Phải trả khác	3.125.253.606	77.075.353.277
	<u>4.901.176.783</u>	<u>78.597.166.923</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

18 VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 31.12.2016 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Vay ngân hàng (*)	556.132.147.774	3.286.760.582.159	3.064.443.378.935	778.449.350.998
Vay khác (**)	32.500.000.000	-	-	32.500.000.000
	<u>588.632.147.774</u>	<u>3.286.760.582.159</u>	<u>3.064.443.378.935</u>	<u>810.949.350.998</u>

(*) Đây là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng. Chi tiết cụ thể như sau:

Tên ngân hàng	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD		-	6.490.946.157
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	4,2% - 4,5%	25.495.052.209	63.894.491.317
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	5,3%	51.253.775.574	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	USD	-	-	5.639.338.553
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	4,8% - 7,0 %	208.001.425.202	183.891.865.900
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	6,7%	22.106.700.000	28.300.079.065
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,0% - 3,0 %	332.816.006.486	184.113.401.623
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	2,0% - 2,55 %	59.273.487.045	83.802.025.159
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	4,8% - 5,5%	22.417.115.593	-
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN 1 - TP HCM	VND	5,5 %	34.350.788.889	-
Ngân hàng Shinhan Việt Nam	USD	3,5%	22.735.000.000	-
			<u>778.449.350.998</u>	<u>556.132.147.774</u>

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư vào công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát. Thời hạn hoàn trả vay là ngày 02 tháng 05 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Dự phòng chi phí bảo hành	7.910.352.651	7.837.855.717
	<u>7.910.352.651</u>	<u>7.837.855.717</u>

Biến động của khoản dự phòng bảo hành, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ định kỳ như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	7.837.855.717	7.281.312.372
Dự phòng lập trong kỳ	18.922.643.505	13.410.759.873
Hoàn nhập và sử dụng dự phòng	(18.850.146.571)	(12.854.216.528)
Số dư cuối kỳ	<u>7.910.352.651</u>	<u>7.837.855.717</u>

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	18.580.626.583	10.624.698.110
Tăng trong kỳ	10.283.769.101	14.823.316.492
Sử dụng quỹ	(6.851.717.496)	(6.867.388.019)
Số dư cuối kỳ	<u>22.012.678.188</u>	<u>18.580.626.583</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2016	309.812.930.000	62.295.088.755	(14.419.110.657)	93.729.583.577	54.691.781.341	506.110.273.016
Tăng vốn cổ phần (*)	154.904.140.000	(61.174.556.423)	-	(93.729.583.577)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	223.285.903.396	223.285.903.396
Điều chỉnh tăng LN chưa PP kỳ trước	-	-	-	-	2.610.696.419	2.610.696.419
Cổ tức bằng tiền mặt (**)	-	-	-	-	(63.511.487.900)	(63.511.487.900)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	464.166.892	14.419.110.657	-	-	14.883.277.549
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	18.772.599.847	(18.772.599.847)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(14.823.316.492)	(14.823.316.492)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	464.717.070.000	1.584.699.224	-	18.772.599.847	183.480.976.917	668.555.345.988
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	128.547.113.761	128.547.113.761
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	12.854.711.376	(12.854.711.376)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.283.769.101)	(10.283.769.101)
Cổ tức bằng tiền mặt (***)	-	-	-	-	(139.415.121.000)	(139.415.121.000)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	464.717.070.000	1.584.699.224	-	31.627.311.223	149.474.489.199	647.403.569.646

(*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 09/05/2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu (tỷ lệ 2:1) để tăng vốn cổ phần từ các nguồn vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31/12/2015, theo thứ tự ưu tiên: Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần.

(**) Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2015 là 10%; đợt 1 năm 2016 là 7%.

(***) Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 là 5%; đợt 3 năm 2016 là 10%; đợt 1 năm 2017 là 8%; đợt 2 năm 2017 là 7%.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**22 VỐN CỔ PHẦN****(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.12.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.471.707	-	46.471.707	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	-	46.471.707	-

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2017		31.12.2016	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của nhà nước	23.898.273	51,43	23.898.273	51,43
Phần vốn của các đối tượng khác	22.573.434	48,57	22.573.434	48,57
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.471.707	100,00	46.471.707	100,00

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	30.981.293	309.812.930.000	309.812.930.000
Cổ phiếu mới phát hành	15.490.414	154.904.140.000	154.904.140.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	46.471.707	464.717.070.000	464.717.070.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	46.471.707	464.717.070.000	464.717.070.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM**23 CỔ TỨC**

	31.12.2017	31.12.2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Cổ tức phải trả trong kỳ	139.415.121.000	63.511.487.900
Cổ tức chi trả bằng tiền	(139.415.121.000)	(63.511.487.900)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

24 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày	
	31.12.2017	31.12.2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	128.547.113.761	223.285.903.396
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(10.283.769.101)	(14.823.316.492)
	<hr/>	<hr/>
	118.263.344.660	208.462.586.904
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	46.471.707	46.471.707
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.545	4.486
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 và dự kiến cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****(a) Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 1.363.580.000 đồng và 2.413.400.000 đồng tương ứng với kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh 34(a)).

(b) Ngoại tệ các loại

	31.12.2017		31.12.2016	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
USD	75.221,81	1.704.902.324	858.940	19.575.234.624
EUR	313,99	8.478.672	253	6.125.300
		<u>1.713.380.996</u>		<u>19.581.359.924</u>

26 DOANH THU BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu pin và ắc quy	2.863.558.252.775	2.537.379.612.088
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	249.590.788.570	190.028.467.651
Hàng bán bị trả lại	1.027.365.444	473.758.658
Doanh thu thuần về bán hàng		
Doanh thu thuần pin và ắc quy	<u>2.612.940.098.761</u>	<u>2.346.877.385.779</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**27 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.298.579.790.324	1.833.166.330.770
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.895.786.382)	14.956.171.730
	<u>2.296.684.003.942</u>	<u>1.848.122.502.500</u>

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	40.631.923.620	23.621.958.514
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.799.040.443	3.260.818.478
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	327.673.492	-
Lãi do thoái vốn góp tại Cty Việt Gia Phú	1.800.000.000	-
Chiết khấu thanh toán	2.632.326	-
	<u>49.561.269.881</u>	<u>26.882.776.992</u>

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Chi phí lãi vay	24.411.558.267	13.709.909.913
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12.393.885.371	6.369.878.375
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	4.073.213.465
	<u>36.805.443.638</u>	<u>24.153.001.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.907.379.862.802	1.554.733.243.184
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	224.545.156.505	246.047.258.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.181.394.986	69.101.738.359
Các chi phí khác bằng tiền	239.176.249.714	247.559.021.614
	<hr/> 2.447.282.664.007 <hr/>	<hr/> 2.117.441.261.217 <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Doanh thu dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Xuất Khẩu		Tổng	
	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Doanh thu thuần	2.150.352.315.851	1.941.989.172.177	462.587.782.910	404.888.213.602	2.612.940.098.761	2.346.877.385.779

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau.

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	165.789.010.609	280.684.936.662
Thuế TNDN tính ở thuế suất 20%	33.157.802.122	56.136.987.332
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	225.387.071	685.418.376
Dự phòng thiếu của năm trước	3.858.707.655	576.627.558
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	37.241.896.848	57.399.033.266
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*)	37.695.695.486	55.958.724.645
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 13)	(453.798.638)	1.440.308.621
	37.241.896.848	57.399.033.266

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

i) Mua hàng hóa

	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2017 VND	Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31.12.2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	18.363.671.370	17.726.006.210
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	1.388.265.581	1.278.984.762
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn	368.304.200	345.666.750
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	1.373.100.850	2.097.164.790
	21.493.342.001	21.447.822.512

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

ii) Hoạt động tài chính:

Cổ tức trả cho Tập đoàn hóa chất Việt Nam:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Phát sinh trong kỳ	71.694.819.000	32.660.973.100
Đã trả trong kỳ	71.694.819.000	32.660.973.100
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.272.596.330	1.255.287.550
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh	80.865.593	85.073.120
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	23.560.900	26.664.000
	<hr/>	<hr/>
	2.377.022.823	1.367.024.670
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

34 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Trong vòng một năm	1.363.580.000	1.956.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	457.400.000
	<hr/>	<hr/>
	1.363.580.000	2.413.400.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
Máy móc và thiết bị	10.309.167.177	23.852.521.004
Nhà cửa và vật kiến trúc	7.443.370.591	4.192.881.708
Hệ thống điện	902.093.667	552.303.493
Khác	-	21.320.942.422
	<u>18.654.631.435</u>	<u>49.918.648.627</u>

35 ĐIỀU CHỈNH SỐ LIỆU BÁO CÁO NĂM 2016

Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán được Công ty phát hành vào ngày 16/05/2017. Sau đợt rà soát của Kiểm toán nhà nước trong năm 2017, Kiểm toán Nhà nước đề nghị điều chỉnh lại một số chỉ tiêu, việc này dẫn đến làm tăng lợi nhuận trước thuế năm 2016 thêm 42.331.869.035 đồng, tăng thuế và các khoản phải nộp nhà nước thêm 8.109.140.139 đồng, Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định tại thông báo số 22/PA-CBTT ngày 15/01/2018 và thông báo số 25/PA-CBTT ngày 17/01/2018. Theo Biên bản kiểm toán, Ban Giám đốc đã điều chỉnh lại báo cáo tài chính năm 2016 và ảnh hưởng của sự thay đổi này lên báo cáo tài chính được trình bày như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
		Số đã báo cáo ngày 16.05.2017 VND	Số điều chỉnh theo Kiểm toán Nhà nước VND	Số sau điều chỉnh VND
(a)	Bảng cân đối kế toán			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.250.694.693.732	10.028.008.075	1.260.722.701.807
140	Hàng tồn kho	562.436.767.688	10.028.008.075	572.464.775.763
141	Hàng tồn kho	603.546.529.190	(629.211.845)	602.917.317.345
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(41.109.761.502)	10.657.219.920	(30.452.541.582)
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	426.511.622.072	7.945.041.190	434.456.663.262
220	Tài sản cố định	303.765.087.397	9.620.350.333	313.385.437.730
221	Tài sản cố định hữu hình	275.205.478.099	6.356.979.809	281.562.457.908
222	Nguyên giá	770.303.454.937	4.579.003.454	774.882.458.391
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(495.097.976.838)	1.777.976.355	(493.320.000.483)
227	Tài sản cố định vô hình	28.559.609.298	3.263.370.524	31.822.979.822
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(29.008.119.418)	3.263.370.524	(25.744.748.894)
260	Tài sản dài hạn khác	45.547.593.074	(1.675.309.143)	43.872.283.931
261	Chi phí trả trước dài hạn	4.889.485.538	(265.416.666)	4.624.068.872
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.974.665.976	(1.409.892.477)	7.564.773.499
270	TỔNG TÀI SẢN	1.677.206.315.804	17.973.049.265	1.695.179.365.069
300	NỢ PHẢI TRẢ	1.046.821.571.157	(20.197.552.076)	1.026.624.019.081
310	Nợ ngắn hạn	1.046.001.571.157	(20.197.552.076)	1.025.804.019.081
311	Phải trả người bán ngắn hạn	86.499.511.869	(853.285.345)	85.646.226.524

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	Chi tiêu	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh
		ngày 16.05.2017	theo Kiểm toán Nhà nước	
		VND	VND	VND
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	20.616.725.855	8.109.140.139	28.725.865.994
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	55.585.690.917	(27.453.406.870)	28.132.284.047
410	Vốn chủ sở hữu	630.384.744.647	38.170.601.341	668.555.345.988
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	145.310.375.576	38.170.601.341	183.480.976.917
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước	23.710.488.341	2.610.696.419	26.321.184.760
421b	- LNST chưa phân phối năm nay	121.599.887.235	35.559.904.922	157.159.792.157
440	TỔNG NGUỒN VỐN	1.677.206.315.804	17.973.049.265	1.695.179.365.069
(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	246.471.981.966	(55.969.755.657)	190.502.226.309
10	Doanh thu thuần về bán hàng	2.290.907.630.122	55.969.755.657	2.346.877.385.779
11	Giá vốn hàng bán	1.864.871.285.563	(16.748.783.063)	1.848.122.502.500
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	426.036.344.559	72.718.538.720	498.754.883.279
25	Chi phí bán hàng	146.743.438.819	30.538.906.367	177.282.345.186
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	45.097.833.264	71.836.818	45.169.670.082
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	236.924.847.715	42.107.795.535	279.032.643.250
31	Thu nhập khác	1.762.688.306	224.073.500	1.986.761.806
40	Lợi nhuận khác/(chi phí khác)	1.428.219.912	224.073.500	1.652.293.412
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238.353.067.627	42.331.869.035	280.684.936.662
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.596.653.009	5.362.071.636	55.958.724.645
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.416.144	1.409.892.477	1.440.308.621
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	187.725.998.474	35.559.904.922	223.285.903.396
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.721	765	4.486
(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1	Lợi nhuận trước thuế	238.353.067.627	42.331.869.035	280.684.936.662
2	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	69.101.738.359	(5.041.346.879)	64.060.391.480
3	Các khoản dự phòng	26.438.314.155	(10.657.219.920)	15.781.094.235
9	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	13.638.615.427	(5.988.895.931)	7.649.719.496
10	Tăng hàng tồn kho	(147.958.752.767)	(629.211.845)	(148.587.964.612)
11	Tăng các khoản phải trả	94.682.271.112	(19.749.777.794)	74.932.493.318
12	Tăng chi phí trả trước	(1.372.446.000)	(265.416.666)	(1.637.862.666)

36 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2017 đạt 27,2 tỷ đồng; giảm 114,1 tỷ đồng (tương đương giảm 80,7%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân giảm là do giá

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

chì, kèm tăng cao so với cùng kỳ. Kiểm toán Nhà Nước đã kiểm toán báo cáo tài chính 2016 và điều chỉnh một số chi phí đã làm cho lợi nhuận trước thuế tăng thêm 42,3 tỷ đồng. Qua soát xét báo cáo tài chính 2016, hội đồng quản trị điều chỉnh giảm một số khoản chi đã làm cho lợi nhuận trước thuế tăng thêm 77,8 tỷ đồng.

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 20 tháng 01 năm 2018.



Đỗ Văn Hường
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

Số: 29 /PA-CBTT

Tp. HCM, ngày 22 tháng 01 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Về việc giải trình biến động kết quả SXKD quý 4 năm 2018)

Kính gửi : **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH**
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2017, lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ Phần Pin Ắc Quy Miền Nam giảm 114.109.116.865 đồng, tỷ lệ giảm 80,7% so với cùng kỳ năm 2016.

Công ty giải trình các nguyên nhân chủ yếu sau :

- Giá chi, kèm tăng rất cao so với cùng kỳ làm cho giá vốn tăng 22% trong khi doanh thu chỉ tăng 4%.

- Điều chỉnh số liệu của Kiểm toán Nhà Nước vào quý 4/2016 đã làm cho chiết khấu bán hàng giảm, đồng thời hạch toán tăng khoản này vào quý 4/2017 và một số chi phí khác đã làm cho lợi nhuận trước thuế quý 4/2016 tăng thêm 42,3 tỷ đồng.

- Qua soát xét báo cáo tài chính 2016, hội đồng quản trị điều chỉnh giảm nguồn lương và dự phòng trợ cấp thôi việc đã làm cho lợi nhuận trước thuế quý 4/2016 tăng thêm 77,8 tỷ đồng.

- Thay đổi cách hạch toán giữa chi phí bán hàng và chiết khấu cho phù hợp với chính sách bán hàng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu HC, KTTC



TRẦN THANH VĂN